

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2017/HSST
Ngày 15 tháng 12 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Danh Nhân**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: **Lù Thị Chính** và ông: **Cao Xuân Tú**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Vương Thị Minh Khuê** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì tham gia phiên tòa:
Ông **Lù Minh Tiên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Nhà văn hoá tổ 4, thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2017/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐ-HSST ngày 04/12/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vương Văn T** (Tên gọi khác: không); Sinh năm: 1994 quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Vương Văn S; sinh năm: 1965; con bà: Vương Thị P; sinh năm: 1970. Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 01/9/2017 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện P. Có mặt .

2. Họ và tên: **Hán Ngọc T1**; (Tên gọi khác: không) SN: 20/10/1974; DT: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Nguyên quán: xã L, huyện T, tỉnh H.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 1, thị trấn Q, huyện P, tỉnh G; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12. Con ông Hán Ngọc T2; SN: 1948 và bà: Trần Thị X; SN: 1950; có vợ là: Nguyễn Thị L; SN: 1976 (đã chết năm 2011); có 02 con là Hán Thị L1; SN: 1993; Hán Thị H: SN: 2000; Tiền án: Có 1 tiền án: năm 2013 bị TAND huyện P xử phạt 54 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đến ngày 01/9/2016 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị bắt từ ngày 01/9/2017, sau đó chuyển tạm giam đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện P. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị: Vương Thị T3; SN: 1997:

Trú quán: thôn C, xã N, huyện P. Tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 01/9/2017 tổ công tác Công an huyện P, tỉnh G làm nhiệm vụ tại khu vực km16 thuộc địa bàn xã Nậm Dịch, P phát hiện bắt quả tang Hán Ngọc T1 đang điều khiển xe máy Wave& màu trắng BKS23F1-08166 cùng với Vương Văn T ngồi sau có tàng trữ 01 gói nilon màu trắng bên trong có 01 gói giấy bạc màu vàng có chất bột màu trắng nghi là hêrôin, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hai đối tượng, thu giữ tang vật gồm:

Thu của Vương Văn T:

-Tại túi quần bên phải 01 gói nilon nhỏ màu trắng, bên trong có 01 gói giấy bạc gói chất bột màu trắng; 01 túi da màu nâu đã qua sử dụng; 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone5 màu trắng đã qua sử dụng; 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh đã qua sử dụng; 01 CMND mang tên Vương Ngọc T; 01 bơm kim tiêm loại 3ml/cc; 02 lọ thủy tinh màu trắng bên ngoài có chữ Novocain 3%.

Thu của Hán Ngọc T1: 01 điện thoại di động Sony Xperia màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng; 01 xe máy nhãn hiệu Honda nhãn hiệu Wave& màu trắng BKS23F1-08166 đã qua sử dụng.

Kết quả điều tra xác định được như sau: Do quen biết nhau vì đều là người nghiện ma túy nên vào sáng ngày 01/9/2017 khi muốn có ma túy để sử dụng. Vương Văn T có gọi điện thoại cho Hán Ngọc T1 hỏi có biết chỗ nào bán ma túy không thì T1 có trả lời không biết, T tắt máy khoảng 20 phút sau T gọi điện thoại cho T1 rủ ra ngoài huyện Q để tìm mua ma túy về sử dụng, khi T1 đồng ý T lấy xe máy Honda nhãn hiệu Wave& màu trắng BKS23F1-08166 của em gái là Vương Thị T3 do đã mượn từ trước đến nhà T1 để T1 chở T ra Bắc Quang tìm mua ma túy, khi đến ngã ba Pắc Há thì T1 rẽ vào đường đi xã Kim Ngọc, huyện Q được 400m thì thấy một người đàn ông khoảng 40 tuổi không quen biết đang ngồi trên xe máy ven đường giống người nghiện thì T1 và T vào hỏi chuyện biết cũng là người nghiện ma túy nên T1 có hỏi có biết ai bán ma túy không để nhờ mua hộ, người đàn ông trả lời có biết thì T1 và T nhờ mua 02 triệu đồng hêrôin, người đàn ông đồng ý và yêu cầu trả tiền công 300.000,đ, T1 và T nhất trí. Sau đó người đàn ông nổ xe máy đi được 15 phút quay lại đưa cho T1 01 gói nilon nhỏ bên trong có ma túy, T lấy 2,3 triệu đồng đưa cho T1 trả người đàn ông đó rồi cầm gói ma túy rồi cả hai đi thẳng về huyện P. Trên đường về T1 lấy của T 10.000,đ mua 04 xi lanh và 04 ống nước Novocain 3% mang theo và trên đường từ Tân Quang vào P đã 2 lần nghỉ dọc đường để lấy ma túy ra sử dụng. Khi sử dụng xong T1 đưa gói ma túy và 02 ống nước Novocain 3% cho T cất giữ, T cầm gói ma túy để trong túi quần đang mặc, còn 01 xi lanh đã sử dụng và 02 ống nước Novocain chưa sử dụng cất vào túi da đeo trên người, sau đó T1 tiếp tục đèo xe máy chở T đi về P.

Đến khoảng 16giờ chiều khi đến đoạn đường cách trung tâm xã D 200m thì bị Tổ công tác của Công an huyện P bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Sau khi thu giữ được vật chứng nghi là ma túy, cơ quan điều tra Công an huyện P trưng cầu giám định, Phòng kỹ thuật Hình sự công an tỉnh G có bản kết luận số 304/KL-PC54 ngày 06/9/2017 kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1 thu giữ của Vương Văn T là chất ma túy, loại ma túy Hêrôn có trọng lượng (khối lượng) là 0,543 gam; nằm trong danh mục I, số thứ tự 20, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Mẫu vật còn lại sau khi giám định được hoàn trả cho cơ quan điều tra Công an huyện P có trọng lượng (khối lượng): 0,500gam.

Tại bản cáo trạng số 11/KSĐT-MT ngày 20/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố các bị cáo Vương Văn T, Hán Ngọc T1 về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố và trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát cho rằng vụ án có tính chất đồng phạm; bị cáo T có vai trò khởi xướng, chủ động chuẩn bị phương tiện, tiền để rủ bị cáo T1 tìm mua ma túy để sử dụng, bị cáo được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn qui định tại điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 có vai trò thứ yếu chỉ điều khiển xe máy chở T đi mua ma túy, đã thành khẩn khai báo nên được hưởng 1 tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng (tái phạm) qui định tại điểm g điều 48 Bộ luật Hình sự. Đồng thời khi quyết định hình phạt cần áp dụng theo hướng có lợi cho các bị cáo được qui định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ căn cứ đó đề nghị xử phạt: bị cáo Hán Ngọc T1 từ 36 đến 42 tháng tù; bị cáo Vương Văn T từ 24 đến 30 tháng tù. Về vật chứng áp dụng điều 41 Bộ luật Hình sự và điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý theo qui định.

Tại phiên tòa các bị cáo tự bào chữa nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào nội dung vụ án, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện P, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người T1 hành tố tụng, cơ quan tố tụng giải quyết vụ án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ

quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều đảm bảo tính hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Vương Văn T và Hán Ngọc T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đều là người nghiện ma túy, sáng ngày 01/9/2017 khi biết được T có tiền rủ đi tìm mua ma túy về sử dụng T1 đã đồng ý điều khiển xe máy chở T ra địa bàn huyện Q mua được 02 triệu đồng heroin, sau đó trên đường về cùng sử dụng đến khi bị bắt đã thu giữ được 0,543gam hêrôin. Theo qui định tại khoản 1, điều 194 Bộ luật Hình sự năm 199 thì: “ *Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*”. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. HĐXX thấy rằng việc truy tố để xét xử các bị cáo theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý và gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính độc quyền quản lý nhà nước về các chất ma túy. Xét tính chất phạm tội của các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức rõ ma túy là loại chất gây nghiện nguy hiểm nếu sử dụng sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Do đó cần phải có một mức án nghiêm khắc, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có cơ hội giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng vụ án có tính chất đồng phạm, bị cáo bị cáo Vương Văn T, có trình độ văn hóa 9/12, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện để làm một công dân tốt mà đi vào con đường phạm tội. Bản thân là người nghiện ma túy, sáng ngày 01/9/2017 do cần ma túy để sử dụng đã chủ động chuẩn bị tiền, phương tiện rủ T1 đi mua về sử dụng, khi bị bắt thu giữ được 0,543g, đây là lỗi cố ý, cần phải xử phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, trong quá trình điều tra cũng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T1 có trình độ văn hóa 12/12, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện để làm một công dân tốt mà đi vào con đường phạm tội, bị cáo là người nghiện chất ma túy, biết bị cáo T mang tiền đi mua ma túy, bị cáo có hành vi giúp sức là người điều khiển xe máy, cùng giao dịch mua ma túy, trực tiếp nhận ma túy sau đó cùng sử dụng, mặc dù trước đó bị cáo đã bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, ra tù được 1 năm trở về địa phương chưa được xóa án tích lại tiếp tục tái phạm, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng qui định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, là người nghiện ma túy, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, vợ đã chết, đang phải chăm sóc 01 con

đang đi học, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự.

Theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 so với khoản 1 điều 194- Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt nhẹ hơn, do đó các bị cáo được hưởng điều khoản có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 điều 7 Bộ luật Hình sự 2015.

Trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[5] Về nguồn gốc số ma túy các bị cáo mua của một người không biết tên ở địa bàn huyện Q do không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra, xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 phong bì niêm phong bên trong là ma túy (hê rô in) trọng lượng 0,500 gam được hoàn trả sau giám định; 01 bơm kim tiêm loại 3ml/cc; 02 lọ thủy tinh màu trắng bên ngoài có chữ Novocain 3%. cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh; 01 túi da màu nâu; 01 ví da màu nâu (đều qua sử dụng) của Vương Văn T và 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng của Hán Ngọc T1 là công cụ phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với điện thoại nhãn hiệu Sony Xperia màu đen của Hán Ngọc T1; điện thoại di động Iphone5 màu trắng; 01 CMND mang tên Vương Ngọc T xét thấy không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho các bị cáo.

Quá trình điều tra đã chứng minh được: Chiếc xe máy Honda nhãn hiệu Wave& màu trắng BKS23F1-08166 của chị Vương Thị Thảo, là em gái bị cáo T đã mượn từ trước đó, khi sử dụng đi mua ma túy chị Thảo không biết. Do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho chị Thảo là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo: **Hán Ngọc T1** , **Vương Văn T** phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm g khoản 1 điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hán Ngọc T1 **30** (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 01/9/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 - Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vương Văn T **24** (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 01/9/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3.Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41- Bộ luật Hình sự và khoản 1,2 Điều 76 - Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong bên trong là ma túy (hê rôin) trọng lượng 0,500 gam được hoàn trả sau giám định; 01 bom kim tiêm loại 3ml/cc; 02 lọ thủy tinh màu trắng bên ngoài có chữ Novocain 3%.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh; 01 ví da màu nâu; 01 túi da màu nâu (đều qua sử dụng) của Vương Văn T; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng của Hán Ngọc T1.

Trả lại cho Hán Ngọc T1 01 điện thoại nhãn hiệu Sony Xperia màu đen, trả lại cho Vương Văn T 01 điện thoại Iphone5 màu trắng; 01 CMND mang tên Vương Ngọc T.

Tình trạng vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Công an huyện P và Chi cục THA huyện P ngày 20/11/2017.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Hán Ngọc T1, Vương Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an HSP;
- Chi cục THADS HSP;
- Bị cáo, người liên quan;
- UBND TT VQ; UBND xã Tụ Nhân;
- Lưu HS+THAPT+BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa